TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **47**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2019
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **NGUYỄN THỊ NAM HOA**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **NGUYỄN VĂN BẠN**

Bà **VÕ THỊ BỜI**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:

Bà **NGUYỄN THỊ THU HIỀN** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:

Bà **NGUYỄN THỊ HUYỀN** - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nha Trang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 294/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc "*Ly hôn*"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019; giữa:

* ***Nguyên đơn***: Ông **Trương T** - Sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn Phú Hội, xã An Ninh Đông, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên

* ***Bị đơn***: Bà **Đinh Thị H** - Sinh năm 1967

Địa chỉ: 226 V, phường V, Tp. Nha Trang

Ông T và bà H xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương Tiến trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải:

Tôi và bà Đinh Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1987 đến năm 1997. Quá trình chung sống giữa chúng tôi không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm nên hay cãi vã. Từ năm 1997 đến nay tôi chuyển về P sống, tôi và bà H không ai quan tâm đến cuộc sống của ai.

Nay tôi yêu cầu Tòa án không công nhận chúng tôi là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung tên Trương Thị Hoàng A - SN: 1987 và Trương Anh V - SN: 1989. Cả hai con của chúng tôi đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật thay cho phần của bà Hường.

Bị đơn bà Đinh Thị H trình bày tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải: Về quan hệ hôn nhân của chúng tôi đúng như anh Trương T đã trình bày. Việc anh T làm đơn ra Tòa yêu cầu Tòa án không công nhân chúng tôi là vợ chồng, tôi đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung tên Trương Thị Hoàng A - SN: 1987 và Trương Anh V - SN: 1989. Cả hai con của chúng tôi đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi đồng ý để anh T đóng án phí HNGĐ - ST thay tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp theo yêu cầu của ông Trương T được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trương T và bà Đinh Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1987 đến năm 1997, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ năm 1997 cho đến nay ông T và bà H không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông T là chính đáng có căn cứ phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Ông Trương T và bà Đinh Thị H có 02 con chung tên Trương Thị Hoàng A - SN: 1987 và Trương Anh V - SN: 1989. Cả hai đều đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Trương T và bà Đinh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Ông Trương T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0014527 ngày 17/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, ông T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271; và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Tuyên xử:*

1. Không công nhận ông Trương T và bà Đinh Thị H là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Đều đã trưởng thành

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Trương T và bà Đinh Thị H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí*: Ông Trương T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0014527 ngày 17/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, ông T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nam Hoa

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND TP Nha Trang;
- Chi cục THADS TP Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.